CÔNG CHÚNG TRẺ VỚI NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

*TS. PHẠM THỊ HÀ

Tóm tắt: *Chuyển đổi số đang làm thay đổi môi trường tiếp nhận và cách thức thụ hưởng văn hóa của công chúng trẻ. Đối với nghệ thuật truyền thống Việt Nam, vấn đề đặt ra không chỉ là bảo tồn loại hình, số hóa tư liệu hay gia tăng lượt tiếp cận, mà quan trọng hơn là hình thành lớp công chúng kế cận có năng lực cảm thụ, nhu cầu tham gia và khả năng đồng hành lâu dài với di sản. Trên cơ sở lý thuyết phát triển công chúng, giáo dục nghệ thuật và tiếp cận di sản sống, bài viết phân tích sự biến đổi trong quan hệ giữa công chúng trẻ với nghệ thuật truyền thống; nhận diện cơ hội, thách thức và đề xuất giải pháp phát triển công chúng trẻ trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.*

Từ khóa: Công chúng trẻ; nghệ thuật truyền thống; chuyển đổi số; phát triển công chúng; giáo dục nghệ thuật.

Abstract: *The digital age is changing the young audience's reception and consummation of culture. With Vietnam's traditional arts, the issue lies not only in how to preserve their forms, digitize their texts, and increase their accessibility, but also in how to develop the next generation with the ability to perceive their legacy, the desire to participate in their creation, and the capacity to accompany these arts through the years. Based on the theory of public development, art education, and the accessibility of living legacy, the article analyzes the changing relationship between the young audience and traditional arts, identifies the challenges, and suggests solutions to develop a younger audience for traditional arts in the digital age.*

Keywords: young audience, traditional arts, digital age, public development, art education

Đặt vấn đề

Nghệ thuật truyền thống là bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc, được hình thành, lưu truyền và phát triển trong tiến trình lịch sử của cộng đồng. Thông qua âm nhạc, sân khấu, diễn xướng, dân ca, dân vũ và các loại hình nghệ thuật trình diễn khác, nghệ thuật truyền thống lưu giữ ký ức xã hội, tri thức dân gian, quan niệm thẩm mỹ và bản sắc văn hóa. Ở Việt Nam, có thể kể đến các loại hình tiêu biểu như Chèo, Tuồng, Cải lương, Ca trù, Hát xẩm, Đờn ca tài tử, Múa rối nước và các hình thức diễn xướng dân gian, trong đó một số loại hình đã được ghi danh trong danh mục di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, môi trường tồn tại của nghệ thuật truyền

thống đang thay đổi căn bản. Internet, mạng xã hội, nền tảng video ngắn, dịch vụ phát nhạc trực tuyến, trò chơi điện tử và các cộng đồng sáng tạo nội dung đã trở thành những không gian văn hóa quan trọng, nơi người trẻ tiếp nhận, lựa chọn, đánh giá, chia sẻ và tái tạo nội dung nghệ thuật.

Sự thay đổi đó đặt nghệ thuật truyền thống trước một nghịch lý: chuyển đổi số mở rộng đáng kể cơ hội tiếp cận công chúng, nhưng cũng có thể làm suy giảm chiều sâu tiếp nhận. Video ngắn, livestream, bảo tàng số, học liệu trực tuyến và sản phẩm đa phương tiện giúp nghệ thuật truyền thống vượt qua giới hạn không gian, thời gian; song cơ chế thuật toán, thói quen tiếp nhận nhanh và xu hướng giải trí hóa có thể khiến di sản bị tách khỏi bối cảnh văn hóa, tri thức nền và chỉnh thể thẩm mỹ của nó.

Từ đó, vấn đề cốt lõi không chỉ là đưa nghệ thuật truyền thống lên môi trường số, mà là hình thành và phát triển công chúng trẻ trong môi trường số. Nếu chuyển đổi số chỉ dừng ở số hóa tư liệu hoặc tăng lượt tiếp cận, nghệ thuật truyền thống có thể được biết đến nhiều hơn nhưng chưa chắc được hiểu đúng, yêu thích sâu sắc và trở thành nhu cầu tham gia văn hóa bền vững. Ngược lại, khi được đặt trong chiến lược phát triển công chúng, người trẻ có thể trở thành chủ thể tiếp nhận, diễn giải, thực hành, sáng tạo và lan tỏa giá trị nghệ thuật truyền thống.

Chuyển đổi số và sự thay đổi phương thức tiếp nhận nghệ thuật của công chúng trẻ

Trong bài viết này, công chúng trẻ được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm trẻ em, thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên và thanh niên đang trong quá trình hình thành thị hiếu thẩm mỹ, vốn văn hóa, năng lực cảm thụ và hành vi tham gia văn hóa. Đây là nhóm công chúng có khả năng tiếp nhận nhanh những đổi mới về công nghệ và truyền thông, đồng thời cũng là lực lượng quyết định sự kế thừa và duy trì sức sống của nghệ thuật truyền thống trong tương lai. Khi sử dụng số liệu về hành vi số, bài viết tham chiếu các nhóm tuổi theo cách phân nhóm của Báo cáo Digital; khi bàn về giáo dục và phát triển công chúng, phạm vi được mở rộng tới trẻ em và thanh thiếu niên trong nhà trường.

Về phương diện lý luận, bài viết kế thừa mỹ học tiếp nhận ở quan niệm công chúng là chủ thể tham gia kiến tạo ý nghĩa trong quá trình tương tác với tác phẩm; đồng thời vận dụng lý thuyết phát triển công chúng (Audience Development), theo đó mục tiêu không chỉ là tăng số lượng người xem mà còn là nâng cao chất lượng trải nghiệm, hình thành nhu cầu tham gia và quan hệ gắn bó lâu dài với nghệ thuật.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu phát triển công chúng càng trở nên cấp thiết. Một video đạt nhiều lượt xem chưa đồng nghĩa với việc hình thành hiểu biết, hứng thú hoặc nhu cầu tham gia lâu dài. Điều quan trọng là chuyển hóa sự tiếp cận ban đầu thành quá trình trải nghiệm - cảm thụ - tham gia - gắn bó với nghệ thuật. Nếu trước đây công chúng chủ yếu tiếp cận nghệ thuật qua các không gian trực tiếp như nhà hát, bảo tàng, lễ hội, lớp học hoặc sinh hoạt cộng đồng, thì hiện nay môi trường số đã trở thành một không gian văn hóa quan trọng, nơi người trẻ tiếp nhận, chia sẻ, bình luận và đồng sáng tạo nội dung. Do đó, công chúng trẻ không chỉ tiếp nhận tác phẩm sau khi nghệ sĩ đã hoàn tất quá trình sáng tạo, mà còn tham gia vào quá trình lưu thông và lan tỏa ý nghĩa của tác phẩm trong môi trường số.

Theo quan điểm hiện đại về bảo tồn di sản văn hóa, giá trị của nghệ thuật truyền thống không chỉ nằm ở bề dày lịch sử hay giá trị nghệ thuật vốn có, mà còn ở khả năng tiếp tục được cộng đồng thực hành, trao truyền, tiếp nhận và tái tạo trong đời sống đương đại. Tinh thần của Luật Di sản văn hóa năm 2024 và Công ước UNESCO năm 2003 đều cho thấy di sản văn hóa phi vật thể chỉ thực sự tồn tại khi được cộng

đồng liên tục thực hành, truyền dạy và tái tạo trong mối quan hệ với môi trường sống, lịch sử và bản sắc văn hóa của mình(1) .

Từ góc độ đó, nghệ thuật truyền thống cần được nhìn nhận như một di sản văn hóa sống, luôn vận động, thích ứng và được tiếp nối thông qua thực hành văn hóa của cộng đồng. Bảo tồn nghệ thuật truyền thống vì vậy không chỉ là bảo tồn tác phẩm, kỹ năng hay không gian thực hành, mà còn là duy trì môi trường xã hội để di sản tiếp tục được tiếp nhận, trao truyền và sáng tạo qua các thế hệ.

Đối với Việt Nam hiện nay, khi công chúng trẻ ngày càng có vai trò quyết định đối với sức sống tương lai của nghệ thuật truyền thống, phát triển công chúng trẻ không còn là nhiệm vụ bổ trợ mà trở thành một điều kiện của bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Nói cách khác, nghệ thuật truyền thống chỉ có thể tiếp tục tồn tại như một di sản văn hóa sống khi có lớp công chúng kế cận biết tiếp nhận, cảm thụ, tham gia và lan tỏa các giá trị của nó trong đời sống đương đại

Thực trạng công chúng trẻ với nghệ thuật truyền thống ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số

Hạ tầng số và hành vi tiếp nhận văn hóa của công chúng trẻ

Sự phát triển nhanh chóng của hạ tầng số đang làm thay đổi rõ rệt hành vi tiếp nhận văn hóa của công chúng trẻ ở Việt Nam. Không gian số không còn chỉ là phương tiện truyền thông, mà đã trở thành môi trường văn hóa nơi người trẻ tìm kiếm thông tin, lựa chọn nội dung, hình thành thị hiếu, chia sẻ trải nghiệm và tham gia hoạt động văn hóa.

Thực tế này được thể hiện rõ qua các số liệu về sử dụng internet và mạng xã hội. Theo Báo cáo Digital 2026: Vietnam, Việt Nam có khoảng 85,6 triệu người sử dụng internet vào cuối năm 2025, tương đương 84,2% dân số; khoảng 79 triệu danh tính người dùng mạng xã hội vào tháng 10/2025, tương đương 77,6% dân số. Nhóm tuổi từ 18 đến 34 là lực lượng sử dụng các nền tảng số nhiều nhất; riêng nhóm từ 16 đến 24 tuổi có tỷ lệ sử dụng mạng xã hội hằng tháng đạt 96,9% và dành nhiều thời gian cho các nền tảng video ngắn như TikTok, YouTube Shorts và Facebook Reels(2) .

Những số liệu trên cho thấy việc tiếp nhận văn hóa của công chúng trẻ ngày càng diễn ra chủ yếu trong môi trường số. Thay vì chỉ tiếp cận nghệ thuật qua nhà trường, nhà hát, bảo tàng, lễ hội hoặc hoạt động văn hóa trực tiếp, người trẻ ngày càng khám phá và lựa chọn sản phẩm văn hóa thông qua các nền tảng số. Điều này làm thay đổi điểm khởi đầu của quá trình tiếp nhận văn hóa, đồng thời tạo sức ép để nghệ thuật truyền thống thích ứng với môi trường cạnh tranh gay gắt về sự chú ý.

Đối với nghệ thuật truyền thống, thực trạng này vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra sức ép thích ứng. Một mặt, hạ tầng số tạo điều kiện để nghệ thuật truyền thống tiếp cận số lượng lớn công chúng trẻ với chi phí thấp hơn, phạm vi rộng hơn và hình thức linh hoạt hơn so với không gian biểu diễn trực tiếp. Các loại hình nghệ thuật truyền thống có thể được giới thiệu, diễn giải và trải nghiệm thông qua nhiều định dạng số, qua đó mở rộng khả năng tiếp xúc ban đầu của công chúng trẻ. Mặt khác, trong môi trường cạnh tranh gay gắt về sự chú ý, nghệ thuật truyền thống phải cạnh tranh trực tiếp với các loại hình giải trí số có tốc độ lan truyền nhanh, hình thức trực quan và khả năng thu hút cao. Điều này khiến khả năng "được nhìn thấy" của nghệ thuật truyền thống tăng lên, nhưng khả năng "được hiểu đúng" và "được gắn bó lâu dài" chưa chắc chắn được bảo đảm.

Từ góc độ phát triển công chúng, điểm nghẽn của thực trạng hiện nay không nằm ở việc công chúng trẻ có thể tiếp cận nghệ thuật truyền

(1). Quốc hội. (2024). Luật Di sản văn hóa, Luật số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

(2). Kemp, S. (2025). Digital 2026: Vietnam. DataReportal

thống hay không, mà ở khả năng chuyển hóa sự tiếp cận đó thành quá trình cảm thụ, tham gia và gắn bó lâu dài. Vì vậy, cần phân biệt giữa "tiếp cận kỹ thuật" và "tiếp nhận văn hóa". Tiếp cận kỹ thuật là việc công chúng trẻ có thể nhìn thấy, nghe thấy hoặc truy cập nội dung nghệ thuật trên nền tảng số; còn tiếp nhận văn hóa là quá trình người trẻ hiểu, cảm thụ, diễn giải, đánh giá và từng bước hình thành quan hệ với nghệ thuật. Khoảng cách giữa hai cấp độ này chính là "điểm nghẽn" nổi bật trong phát triển công chúng trẻ đối với nghệ thuật truyền thống ở Việt Nam hiện nay.



Nhiều bạn trẻ tham gia biểu diễn tại dự án Chèo Chèo 48h. Nguồn ảnh: Chèo 48H

Chuyển đổi số và những chuyển biến trong tiếp cận nghệ thuật truyền thống của công chúng trẻ

Chuyển đổi số đang tạo ra những chuyển biến bước đầu trong cách công chúng trẻ tiếp cận nghệ thuật truyền thống ở Việt Nam. Các chuyển biến này không chỉ thể hiện ở sự hiện diện của nghệ thuật truyền thống trên môi trường số, mà còn ở phương thức truyền thông, cách thức diễn giải, vai trò của người trẻ và mô hình kết nối giữa thiết chế văn hóa với cộng đồng sáng tạo.

Thứ nhất, phương thức giới thiệu nghệ thuật truyền thống đang chuyển từ truyền thông một chiều sang truyền thông đa nền tảng, gần hơn với thói quen tiếp nhận của người trẻ. Một số nhà hát, nghệ sĩ và nhóm sáng tạo đã khai thác video ngắn, mạng xã hội, nội dung hậu trường, câu chuyện về nhân vật, tích truyện, trang phục, đạo cụ, làn điệu để tạo những "điểm chạm" mới. Dự án "Trường Ca Kịch Viện" là ví dụ cho thấy nghệ thuật truyền thống không chỉ cần được biểu diễn, mà còn cần được diễn giải bằng ngôn ngữ truyền thông phù hợp để người trẻ có thể bước vào thế giới thẩm mỹ vốn nhiều quy ước của sân khấu truyền thống[3].

Thứ hai, hoạt động số hóa đang mở rộng khả năng lưu giữ, truy cập và học tập về nghệ thuật truyền thống. Việc số hóa làn điệu, trích đoạn, bài bản, kỹ thuật biểu diễn và tư liệu sân khấu giúp công chúng có thể nghe, xem lại nhiều lần, qua đó hỗ trợ quá trình tìm hiểu sâu hơn[4] . Tuy nhiên, số hóa chỉ thực sự có ý nghĩa phát triển công chúng khi tư liệu được tổ chức thành học liệu, có thuyết minh, phân tầng đối tượng và gắn với hoạt động giáo dục, trải nghiệm.

Thứ ba, các không gian số đang bước đầu làm đa dạng hóa cách công chúng trẻ tiếp xúc với di sản nghệ thuật. Bảo tàng số, triển lãm ảo, không gian văn hóa trực tuyến, công nghệ 3D, thực tế ảo và dữ liệu mở có thể giúp người xem khám phá di sản bằng hình thức trực quan, tương tác [5]. Đây là hướng đi phù hợp với đặc điểm tiếp nhận đa phương tiện của người trẻ, nhưng vẫn cần nền tảng tri thức nghệ thuật để tránh biến di sản thành trải nghiệm thị giác đơn thuần.

(3). VTV. (2023). Số hóa nghệ thuật truyền thống: Người trẻ đưa nhà hát đến người trẻ.
(4). Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2023). Ứng dụng chuyển đổi số vào nghệ thuật truyền thống
(5). Báo Văn hóa. (2026). Nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số.

Thứ tư, vai trò của công chúng trẻ đang chuyển từ người tiếp nhận sang chủ thể tham gia diễn giải và lan tỏa giá trị nghệ thuật truyền thống. Người trẻ không chỉ xem, nghe hoặc chia sẻ lại nội dung có sẵn, mà còn lựa chọn chất liệu, kể lại câu chuyện, thiết kế sản phẩm truyền thông, tạo video, viết bài và kết nối cộng đồng cùng quan tâm. Sự tham gia này cần có sự đồng hành của nghệ nhân, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu và thiết chế văn hóa để bảo đảm tính chính xác văn hóa và chiều sâu nghệ thuật.

Thứ năm, các mô hình chuyển đổi số hiện nay vẫn còn phân tán, chưa hình thành hệ sinh thái phát triển công chúng trẻ có tính bền vững. Nhiều sáng kiến phụ thuộc vào từng cá nhân, nhóm sáng tạo hoặc đơn vị nghệ thuật; việc số hóa tư liệu, xây dựng học liệu số, phát triển không gian trải nghiệm ảo và sản phẩm truyền thông đa phương tiện chưa đồng đều. Vì vậy, chuyển đổi số mới chủ yếu tạo ra chuyển biến về kênh tiếp cận và hình thức truyền thông, trong khi mục tiêu hình thành công chúng trẻ có năng lực cảm thụ và gắn bó lâu dài vẫn chưa đạt được một cách vững chắc.

Từ thực trạng trên có thể thấy, vấn đề đặt ra không chỉ là mở rộng sự hiện diện của nghệ thuật truyền thống trên môi trường số, mà là kết nối các hoạt động số hóa, truyền thông, trải nghiệm và sáng tạo nội dung thành một quá trình phát triển công chúng có mục tiêu, có định hướng chuyên môn và có khả năng đánh giá tác động.

Giáo dục nghệ thuật truyền thống trong và ngoài nhà trường

Giáo dục nghệ thuật truyền thống trong và ngoài nhà trường đã có những chuyển biến nhất định, nhưng nhìn chung vẫn chưa tạo thành một quá trình phát triển công chúng trẻ có tính liên tục và hệ thống. Điểm tích cực là nghệ thuật truyền thống đã bước đầu hiện diện trong chương trình giáo dục phổ thông, hoạt động giáo dục địa phương và các chương trình trải nghiệm của các nhà hát, bảo tàng, trung tâm văn hóa. Tuy nhiên, việc nghệ thuật truyền thống được đưa vào nội dung giáo dục chưa đồng nghĩa với việc hình thành ở học sinh năng lực cảm thụ, hứng thú và nhu cầu tham gia các hoạt động nghệ thuật.

Ở cấp phổ thông, nội dung liên quan đến nghệ thuật truyền thống đã được tích hợp trong các môn Âm nhạc, Ngữ văn, Mỹ thuật, Lịch sử, Hoạt động trải nghiệm và nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Một số địa phương đã triển khai giáo dục nghệ thuật truyền thống gắn với đặc trưng vùng miền như quan họ ở Bắc Ninh, đờn ca tài tử ở Nam Bộ, bài chòi ở miền Trung, dân ca ví, giặm ở Nghệ An - Hà Tĩnh, hát xoan ở Phú Thọ. Bên cạnh đó, tài liệu hướng dẫn giáo dục di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông là cơ sở quan trọng để kết nối di sản với hoạt động giáo dục.

Tuy nhiên, ở nhiều nơi, nội dung giáo dục vẫn thiên về giới thiệu khái quát, cung cấp thông tin hoặc lồng ghép trong thời lượng hạn chế; các hoạt động có khả năng tạo cảm xúc thẩm mỹ như nghe, xem, thử thực hành, đối thoại với nghệ nhân, tham quan nhà hát, bảo tàng hoặc tham gia sáng tạo chưa được tổ chức thường xuyên. Điều này khiến nghệ thuật truyền thống dễ được tiếp nhận như một tri thức văn hóa cần biết, hơn là một loại hình nghệ thuật có thể cảm, hiểu và gắn bó.

Một hạn chế khác là năng lực triển khai giáo dục nghệ thuật truyền thống trong nhà trường còn chưa đồng đều. Đội ngũ giáo viên ở nhiều cơ sở đào tạo chưa được đào tạo chuyên sâu về các loại hình có ngôn ngữ biểu diễn đặc thù như Chèo, Tuồng, Cải lương, Đờn ca tài tử, Ca trù, Hát xẩm… Trong khi đó, việc kết nối giữa nhà trường với nghệ nhân, nghệ sĩ, nhà hát và bảo tàng còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện của từng địa phương, từng cơ sở giáo dục hoặc từng dự án cụ thể. Vì vậy, dù chủ trương và chương trình đã mở ra không gian cho giáo dục nghệ

thuật truyền thống, hiệu quả thực tế vẫn còn phụ thuộc lớn vào năng lực tổ chức và nguồn lực triển khai tại cơ sở.

Ngoài nhà trường, các nhà hát, bảo tàng, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ nghệ thuật dân gian và một số dự án cộng đồng đã tổ chức chương trình biểu diễn học đường, trải nghiệm hậu trường, workshop nhạc cụ dân tộc, trại hè văn hóa, giao lưu với nghệ nhân, nghệ sĩ.



Học sinh, sinh viên chụp ảnh lưu niệm cùng các nghệ sĩ Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội TP.HCM sau buổi trải nghiệm tại Bảo tàng TP. HCM năm 2025.1

Những hoạt động này tạo cơ hội tiếp xúc trực tiếp, giúp công chúng trẻ cảm nhận nghệ thuật truyền thống bằng trải nghiệm cụ thể; tuy vậy, phần lớn vẫn phân tán, mang tính sự kiện, ngoại khóa hoặc phong trào, chưa hình thành cơ chế phối hợp thường xuyên giữa nhà trường, thiết chế văn hóa, nghệ nhân, nghệ sĩ và các nền tảng truyền thông số.

Tại các nhà hát, bảo tàng và trung tâm văn hóa, hoạt động phát triển công chúng trẻ đã có những chuyển biến tích cực nhưng chưa trở thành chức năng chuyên môn ổn định. Hiệu quả hoạt động hiện vẫn chủ yếu được đo bằng số buổi tổ chức, số lượng người tham gia hoặc hiệu ứng truyền thông, trong khi các tiêu chí phản ánh bản chất của phát triển công chúng như thay đổi nhận thức, chất lượng trải nghiệm, khả năng quay trở lại, mức độ tham gia sáng tạo và sự hình thành cộng đồng công chúng trẻ chưa được quan tâm đúng mức. Đây là điểm nghẽn quan trọng, bởi nếu thiếu dữ liệu đánh giá tác động, các chương trình giáo dục và trải nghiệm nghệ thuật khó chứng minh hiệu quả, khó điều chỉnh phương pháp và khó được nhân rộng.

Từ thực trạng trên có thể thấy, giáo dục nghệ thuật truyền thống cho công chúng trẻ ở Việt Nam đã có nền tảng ban đầu nhưng chưa đủ chiều sâu và tính liên tục để hình thành một chiến lược phát triển công chúng bền vững. Vấn đề không chỉ là đưa nghệ thuật truyền thống vào chương trình học hoặc tổ chức thêm hoạt động trải nghiệm, mà là xây dựng một quá trình giáo dục có mục tiêu, có sự phối hợp giữa nhà trường và thiết chế văn hóa, có sự tham gia của nghệ nhân, nghệ sĩ, có học liệu phù hợp và có công cụ đánh giá tác động.

Nguyên nhân của thực trạng và những vấn đề đặt ra

Từ các phân tích trên có thể thấy, phát triển công chúng trẻ đối với nghệ thuật truyền thống ở Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, nhất là trong việc mở rộng kênh tiếp cận, đổi mới truyền thông và bước đầu tạo ra các hình thức trải nghiệm mới. Tuy nhiên, những kết quả này chưa tạo thành một quá trình phát triển công chúng có chiều sâu, liên tục và bền vững; các hạn chế hiện nay phản ánh những nguyên nhân có tính hệ thống trong nhận thức, cơ chế phối hợp, nguồn lực, phương pháp giáo dục - truyền thông và công cụ đánh giá tác động.

Thứ nhất, nhận thức về phát triển công chúng trẻ chưa thật sự chuyển từ tư duy tuyên truyền, phổ biến sang tư duy kiến tạo quan hệ văn hóa lâu dài. Nhiều hoạt động vẫn dừng ở mục tiêu đưa nghệ thuật truyền thống đến với giới trẻ, tạo sự chú ý hoặc gia tăng lượt tiếp cận, trong khi chưa chú trọng đúng mức đến năng lực cảm thụ, nhu cầu tham gia và sự gắn bó bền vững.

Thứ hai, phương pháp giáo dục và truyền thông chưa theo kịp đặc điểm tiếp nhận của công chúng trẻ trong môi trường số. Nếu chỉ giới thiệu một chiều, cắt trích đoạn, khai thác yếu tố lạ mắt hoặc trình bày nghệ thuật truyền thống như nội dung giải trí nhanh, tác phẩm dễ bị tách khỏi chỉnh thể thẩm mỹ và bối cảnh văn hóa vốn có. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là dung hòa khả năng lan tỏa của truyền thông số với chiều sâu cảm thụ, tính hoàn chỉnh và giá trị văn hóa của nghệ thuật truyền thống.

Thứ ba, cơ chế phối hợp giữa giáo dục, văn hóa, thiết chế nghệ thuật, nghệ nhân - nghệ sĩ và nền tảng số còn thiếu ổn định. Nhà trường có lợi thế tổ chức giáo dục có hệ thống nhưng thiếu môi trường thực hành; nhà hát, bảo tàng có chuyên môn và không gian trải nghiệm nhưng thiếu cơ chế tiếp cận thường xuyên với học sinh; nền tảng số có khả năng lan tỏa rộng nhưng cần định hướng chuyên môn và kiểm chứng nội dung. Sự thiếu liên kết này khiến nhiều hoạt động vẫn mang tính đơn lẻ, khó tạo thành lộ trình phát triển công chúng từ nhận biết, trải nghiệm đến cảm thụ và gắn bó.

Thứ tư, nguồn lực dành cho giáo dục nghệ thuật và phát triển công chúng trẻ còn hạn chế, đồng thời chuyển đổi số cũng đặt ra vấn đề công bằng trong tiếp cận văn hóa. Nhiều đơn vị nghệ thuật truyền thống thiếu kinh phí, nhân sự chuyên trách, năng lực truyền thông số và điều kiện công nghệ; trong khi không phải mọi nhóm công chúng trẻ đều có điều kiện như nhau về hạ tầng, thiết bị, kỹ năng số và cơ hội tham gia hoạt động nghệ thuật. Sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn, vùng thuận lợi và vùng khó khăn có thể tạo ra những khoảng cách mới trong thụ hưởng văn hóa.

Thứ năm, nguy cơ sai lệch hoặc làm nghèo giá trị truyền thống trong sáng tạo, truyền thông vẫn hiện hữu, trong khi hệ thống dữ liệu và công cụ đánh giá tác động còn thiếu. Việc sử dụng chất liệu truyền thống để tạo nội dung mới là xu hướng cần ghi nhận, nhưng nếu thiếu hiểu biết chuyên môn và sự tham gia của nghệ nhân, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, quá trình này có thể dẫn đến sử dụng sai biểu tượng, giản lược ngữ cảnh hoặc biến nghệ thuật truyền thống thành yếu tố trang trí bề mặt. Bên cạnh đó, nếu hiệu quả chương trình chỉ được đo bằng số buổi diễn, lượt tham dự, lượt xem hoặc lượt tương tác, các tiêu chí cốt lõi như thay đổi nhận thức, chất lượng trải nghiệm, khả năng quay lại, mức độ tham gia sáng tạo và sự hình thành cộng đồng công chúng trẻ sẽ khó được theo dõi một cách hệ thống.

Từ các nguyên nhân và vấn đề nêu trên có thể thấy, điểm nghẽn cốt lõi không nằm ở việc thiếu hoạt động, mà ở việc thiếu một cơ chế phát triển công chúng trẻ có tính hệ thống. Cơ chế đó cần kết nối giáo dục, thiết chế văn hóa, nghệ nhân, nghệ sĩ, gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp sáng tạo và nền tảng số trong một lộ trình từ nhận biết đến trải nghiệm, cảm thụ, tham gia và gắn bó.

Kinh nghiệm quốc tế và đề xuất giải pháp cho Việt Nam

Kinh nghiệm quốc tế

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, những quốc gia duy trì được sức sống của nghệ thuật truyền thống thường không chỉ chú trọng bảo tồn loại hình, mà còn quan tâm tạo dựng công chúng kế cận từ sớm. Điểm chung là coi giáo dục, trải nghiệm và sự tham gia của người trẻ như điều kiện để nghệ thuật truyền thống tiếp tục hiện diện trong đời sống đương đại.

Ở Nhật Bản, các loại hình như Noh, Kabuki, Kyogen, Bunraku được bảo tồn trong hệ thống thiết chế chuyên nghiệp, đồng thời được giới thiệu tới học sinh, sinh viên thông qua giáo dục văn hóa, tham quan nhà hát, thuyết minh, trải nghiệm đạo cụ, mặt nạ, trang phục, nhạc cụ và quy ước biểu diễn(6). Cách làm này cho thấy

(6). Japan Arts Council. (n.d.). National Theatre: Traditional performing arts.

bảo tồn nghệ thuật truyền thống không chỉ dựa vào việc duy trì sân khấu chuyên nghiệp, mà còn gắn với quá trình giúp thế hệ trẻ hiểu được ngôn ngữ biểu đạt và bối cảnh văn hóa của loại hình.

Ở Hàn Quốc, âm nhạc truyền thống (Gugak) được đưa vào nhà trường, đồng thời được phổ biến thông qua hoạt động biểu diễn, giáo dục trải nghiệm và các nền tảng số; Trung tâm Quốc gia Gugak giữ vai trò kết nối bảo tồn, nghiên cứu, biểu diễn, đào tạo và phổ biến âm nhạc truyền thống[7] . Mô hình này cho thấy nghệ thuật truyền thống có thể được bảo tồn hiệu quả hơn khi được đặt trong một hệ sinh thái kết nối giữa nghiên cứu, đào tạo, biểu diễn, giáo dục công chúng và truyền thông hiện đại.



Hội thảo khoa học "Bảo tồn và phát huy văn hoá nghệ thuật truyền thống trong bối cảnh chuyển đổi số"do Viện Ứng dụng Công nghệ VIPTAM tổ chức

Ở Trung Quốc, giáo dục thẩm mỹ và giáo dục văn hóa truyền thống trong nhà trường được xem là một bộ phận của chính sách xây dựng con người và bảo tồn di sản. Nhiều địa phương triển khai hoạt động đưa Hí khúc, Kinh kịch và sân khấu truyền thống vào trường học thông qua biểu diễn, giao lưu với nghệ sĩ, câu lạc bộ và hoạt động trải nghiệm. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vai trò của nhà trường như một không gian quan trọng để hình thành tri thức văn hóa, cảm xúc thẩm mỹ và sự quan tâm ban đầu của học sinh đối với nghệ thuật truyền thống.

Ở Anh và nhiều nước châu Âu, công chúng trẻ thường được tiếp cận trong khuôn khổ lý thuyết phát triển công chúng. Các thiết chế nghệ thuật không chỉ quan tâm đến việc tăng số lượng khán giả, mà chú trọng xây dựng quan hệ lâu dài thông qua mở rộng khả năng tiếp cận, nâng cao chất lượng trải nghiệm, phát triển bộ phận giáo dục - học tập - tham gia cộng đồng và đánh giá tác động. Kinh nghiệm này chuyển trọng tâm từ "thu hút người xem" sang "xây dựng quan hệ bền vững giữa công chúng và nghệ thuật".

Từ các kinh nghiệm trên có thể rút ra rằng, phát triển công chúng trẻ đối với nghệ thuật truyền thống không thể chỉ dựa vào truyền thông đơn lẻ, mà cần được tổ chức thành một quá trình lâu dài, có sự kết nối giữa giáo dục, thiết chế nghệ thuật, nghệ nhân, nghệ sĩ, cộng đồng và công nghệ số.

Đề xuất giải pháp phát triển công chúng trẻ cho nghệ thuật truyền thống Việt Nam.

Thứ nhất, chuyển từ tư duy "phổ biến nghệ thuật truyền thống cho giới trẻ" sang tư duy "phát triển công chúng trẻ đối với nghệ thuật truyền thống". Nếu phổ biến chủ yếu hướng tới việc đưa nội dung nghệ thuật đến với công chúng, thì phát triển công chúng nhấn mạnh quá trình hình thành năng lực cảm thụ, nhu cầu tham gia và mối quan hệ lâu dài giữa công chúng với nghệ thuật. Vì vậy, các chương trình dành cho giới trẻ cần được thiết kế theo lộ trình từ nhận biết - trải nghiệm - cảm thụ - tham gia - gắn bó - lan tỏa.

Thứ hai, hình thành hệ sinh thái liên kết trong phát triển công chúng trẻ. Nhà trường có lợi thế tổ chức giáo dục có hệ thống; nhà hát, bảo tàng và trung tâm văn hóa cung cấp không

(7). National Gugak Center. (n.d.). National Gugak Center: Performances, education and traditional Korean music

gian trải nghiệm và kiến thức thực hành; nghệ nhân, nghệ sĩ truyền nghề và diễn giải giá trị di sản; gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp sáng tạo và nền tảng số hỗ trợ môi trường tiếp nhận, công nghệ và khả năng lan tỏa. Vì vậy, cần thiết lập cơ chế phối hợp thường xuyên giữa các chủ thể này để hoạt động phát triển công chúng không còn mang tính đơn lẻ, sự kiện hoặc phong trào.

Thứ ba, đổi mới giáo dục nghệ thuật truyền thống trong nhà trường theo hướng tăng cường trải nghiệm, thực hành và tham gia. Nội dung giáo dục cần giúp học sinh không chỉ biết về nghệ thuật truyền thống, mà còn có cơ hội nghe, xem, thử thực hành, đối thoại với nghệ nhân, tham quan nhà hát và bảo tàng, tham gia dự án học tập, câu lạc bộ nghệ thuật và sáng tạo sản phẩm truyền thông số về nghệ thuật truyền thống. Cách tiếp cận này phù hợp với quan điểm của UNESCO về giáo dục nghệ thuật như một phương thức phát triển năng lực sáng tạo, tư duy phản biện, giao tiếp liên văn hóa và sự tham gia tích cực vào đời sống xã hội[8].

Thứ tư, phát triển học liệu số và nền tảng dữ liệu mở về nghệ thuật truyền thống. Học liệu số không nên chỉ dừng ở việc ghi hình vở diễn, mà cần được xây dựng theo nhiều cấp độ, phù hợp với từng nhóm tuổi và nhu cầu tiếp nhận. Hệ thống này có thể bao gồm video giải thích ngôn ngữ biểu đạt, quy ước nghệ thuật, bản đồ di sản, thư viện âm thanh - hình ảnh, nhạc cụ, trang phục, đạo cụ, câu chuyện về nghệ nhân và bộ công cụ dành cho giáo viên, nhà hát, bảo tàng, nhóm sáng tạo trẻ. Việc xây dựng dữ liệu cần có sự tham gia của chuyên gia, nghệ nhân, nghệ sĩ và cơ quan quản lý nhằm bảo đảm tính chính xác, đồng thời tạo điều kiện để người trẻ khai thác, sáng tạo và lan tỏa giá trị nghệ thuật truyền thống.

Thứ năm, tăng cường huy động nguồn lực xã hội và thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển công chúng trẻ. Nhà nước giữ vai trò định hướng chính sách, đặt hàng và bảo đảm quyền tiếp cận văn hóa công bằng; thiết chế văn hóa và đơn vị nghệ thuật giữ vai trò chuyên môn; doanh nghiệp sáng tạo, cơ quan truyền thông và nền tảng số tham gia mở rộng không gian tiếp nhận, trải nghiệm. Quá trình xã hội hóa cần huy động nguồn lực nhưng vẫn bảo đảm định hướng văn hóa, tránh thương mại hóa hoặc chạy theo hiệu ứng truyền thông đơn thuần; đồng thời quan tâm hỗ trợ trẻ em, thanh thiếu niên ở vùng sâu, vùng xa và các nhóm yếu thế[9] .

Thứ sáu, xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá tác động đối với hoạt động phát triển công chúng trẻ. Hiệu quả chương trình không nên chỉ đo bằng số buổi biểu diễn, lượt người tham dự hay lượt xem trên nền tảng số, mà cần đánh giá mức độ thay đổi nhận thức, chất lượng trải nghiệm, khả năng quay trở lại, mức độ tham gia sáng tạo và sự hình thành cộng đồng công chúng trẻ. Đây là cơ sở để điều chỉnh phương thức tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động và nhân rộng những mô hình phù hợp. Để bảo đảm khả năng kiểm chứng, có thể kết hợp khảo sát ngắn trước - sau hoạt động, phỏng vấn nhóm, theo dõi hành vi quay trở lại, mức độ tương tác số và sản phẩm sáng tạo của người trẻ.

Như vậy, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn Việt Nam đều cho thấy phát triển công chúng trẻ đối với nghệ thuật truyền thống cần được triển khai như một chiến lược liên ngành, liên thiết chế và được đánh giá bằng những tiêu chí phản ánh chất lượng phát triển công chúng. Trong chiến lược đó, người trẻ không chỉ là người tiếp nhận, mà còn là chủ thể tham gia trải nghiệm, sáng tạo và lan tỏa giá trị nghệ thuật truyền thống trong đời sống đương đại.

Kết luận

Mối quan hệ giữa công chúng trẻ và nghệ thuật truyền thống ở Việt Nam đang chuyển biến sâu sắc dưới tác động của chuyển đổi số.

(8). UNESCO. (2010). Seoul agenda: Goals for the development of arts education. Paris: UNESCO

(9). Quốc hội. (2024). Luật Di sản văn hóa, Luật số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025

Sự chuyển biến này không chỉ đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức truyền thông, số hóa tư liệu hay mở rộng kênh tiếp cận, mà còn đặt ra một vấn đề về quản trị văn hóa: làm thế nào để công chúng trẻ có thể tiếp cận, cảm thụ, tham gia và lan tỏa giá trị nghệ thuật truyền thống mà không làm giản lược chiều sâu thẩm mỹ, lịch sử và văn hóa của di sản.

Trên cơ sở mỹ học tiếp nhận, lý thuyết phát triển công chúng và quan niệm về di sản văn hóa sống, công chúng trẻ cần được nhìn nhận không chỉ là đối tượng thụ hưởng, mà còn là chủ thể tiếp nhận, diễn giải, thực hành và tiếp nối giá trị của nghệ thuật truyền thống. Vì vậy, bảo tồn nghệ thuật truyền thống trong bối cảnh hiện nay không thể chỉ dừng ở lưu giữ loại hình, bảo quản tư liệu hay duy trì biểu diễn, mà cần tạo dựng môi trường để người trẻ được trải nghiệm, được giáo dục thẩm mỹ, được đối thoại với nghệ nhân, nghệ sĩ và từng bước hình thành quan hệ gắn bó lâu dài với di sản.

Chuyển đổi số mở ra cơ hội lớn về tiếp cận, số hóa và tổ chức tư liệu, phát triển học liệu số, thiết kế không gian trải nghiệm mới, đồng thời tạo điều kiện để công chúng trẻ tham gia sáng tạo trên các nền tảng số. Tuy nhiên, quá trình này cũng làm bộc lộ nguy cơ giải trí hóa, sai lệch bối cảnh văn hóa, khoảng cách số, thiếu nguồn lực, thiếu cơ chế phối hợp liên ngành và thiếu công cụ đánh giá tác động. Do đó, vấn đề then chốt không phải là đưa nghệ thuật truyền thống lên môi trường số bằng mọi cách, mà là tổ chức chuyển đổi số như một quá trình phát triển công chúng có định hướng chuyên môn, nền tảng giáo dục và tiêu chí đánh giá chất lượng tiếp nhận.

Có thể khẳng định, công chúng trẻ không chỉ là nhóm khán giả tương lai, mà là điều kiện hiện tại để nghệ thuật truyền thống tiếp tục tồn tại như một di sản sống trong đời sống đương đại. Khi người trẻ được tiếp cận đúng cách, được trải nghiệm có chiều sâu, được thực hành, sáng tạo và đồng hành cùng nghệ nhân, nghệ sĩ, thiết chế văn hóa, di sản nghệ thuật dân tộc sẽ không chỉ được bảo tồn như ký ức văn hóa, mà còn được tái tạo, thích ứng và phát triển trong không gian văn hóa số của thế kỷ XXI.

(*Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài độc lập cấp quốc gia, mã số ĐTĐL.XH – 09/23, do PGS.TS Tạ Quang Đông chủ nhi*ệm)

**Nhà nghiên cứu, chuyên viên Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. UNESCO. (2003). Convention for the safeguarding of the intangible cultural heritage. Paris: UNESCO.
2. Quốc hội. (2024). Luật Di sản văn hóa, Luật số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.
3. Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.
4. Kemp, S. (2025). Digital 2026: Vietnam. DataReportal.
5. VTV. (2023). Số hóa nghệ thuật truyền thống: Người trẻ đưa nhà hát đến người trẻ.
6. Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2023). Ứng dụng chuyển đổi số vào nghệ thuật truyền thống.

7. Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2024). Người trẻ giữ hồn nghệ thuật truyền thống.
8. Báo Văn hóa. (2026). Nghệ thuật Việt Nam trong thời kỳ chuyển đổi số.
9. Japan Arts Council. (n.d.). National Theatre: Traditional performing arts.
10. National Gugak Center. (n.d.). National Gugak Center: Performances, education and traditional Korean music.
11. European Commission. (2017). Study on Audience Development: How to Place Audiences at the Centre of Cultural Organisations. Luxembourg: Publications Office of the European Union.
12. European Commission. (2012). European audiences: 2020 and beyond. Luxembourg: Publications Office of the European Union.

Ngày nhận được bài: 17/7/2026; Ngày nhận xét phản biện 25/7/2026;
Ngày quyết định đăng: 5/8/2026; Ngày đăng: 25/9/2026